TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5- 2022
V/v: Không công nhận
quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Bùi Thị Thanh Yên và ông Thiên Anh Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên toà*:* Bà Hồ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2022 về "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST -DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Kiều Thị Ngọc B, sinh năm: 1980.

Trú tại: thôn Phú N, xã Phước T, huyện Ninh P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- *Bị đơn:* ông Ngư Văn P, sinh năm: 1973.

Trú tại: thôn Văn L 4, xã Phước N, huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-12-2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Kiều Thị Ngọc B trình bày:

Bà với ông Ngư Văn P chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới thì vợ chồng bà chung sống tại nhà mẹ ruột của bà ở thôn Phú Nhuận, xã Phước T, huyện Ninh P. Khi về chung sống với nhau được vài tháng thì vợ chồng đã bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông P thường xuyên uống rượu về quậy phá và đánh đập bà, đến khi bà sinh con được 06 tháng thì ông P tự ý bỏ đi về nhà cha mẹ ruột của ông P nên vợ chồng sống cách ly từ đó cho đến nay.

Nay bà xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà đươc ly hôn ông P.

Về con chung: Quá trình chung sống bà với ông P có 01 con chung tên Ngư Kiều Tuấn P, sinh năm 2002, hiện cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động tự túc nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà với ông P không có tài sản chung và nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về phía bị đơn: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Ngư Văn P đã được Tòa án thực hiện các thủ tục niêm yết công khai hợp lệ nhưng ông Phú không có mặt cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời trình bày.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhân quan hệ vợ chồng giữa bà Kiều Thị Ngọc B và ông Ngư Văn P.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Kiều Thị Ngọc B chịu toàn bộ án phi dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Kiều Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Ngư Văn P, đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Ngư Văn P có hộ khẩu thường trú tại thôn Văn L 4, xã Phước N, huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

[2]. Về thủ tục tố tụng: ông Ngư Văn P đã được Tòa án thực hiện các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không

có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[3]. Về nội dung vụ án: bà Kiều Thị Ngọc B và ông Ngư Văn P chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay bà Bích xác định không còn tình cảm với ông P và yêu cầu Tòa án giai quyết ly hôn. Tuy nhiên, do bà B và ông P không có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia định năm 2014 không công nhận mối quan hệ giữa bà B và ông P là vợ chồng

[4]. Về con chung: bà Kiều Thị Ngọc B và ông Ngư Văn P có 01 con chung tên Ngư Kiều Tuấn P, sinh năm 2002, hiện cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: bà B không yêu cầu giải quyết nên Hôi đồng xét xử không xem xét..

[6]. Về án phí: bà Kiều Thị Ngọc B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 57 Luật hôn nhân và gi đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Kiều Thị Ngọc B và ông Ngư Văn P là vợ chồng.

2. Về án phí: bà Kiều Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà B đã nộp theo Biên lai thu số 0000296 ngày 10/01/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận N;
- Chi cục THADS huyện Thuận N;
- UBND xã Phước T (để biết);
- UBND xã Phước N (để biết);
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu HS, AV.

Dương Khánh Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Hùng **Thiên Anh Kho** **Dương Khánh Hưng**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00’, ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyên Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hàn nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vằng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Lyhôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-204 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và

giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Biên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30’ ngày 30 tháng 10 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẩn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.